

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM**

MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN, ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VPBANK	1
I. Thông tin chung	1
II. Đánh giá về cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành.....	2
PHẦN 2: THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VPBANK	6
I. Quy mô vốn	7
II. Hoạt động cấp tín dụng và chất lượng tài sản.....	7
III. Kết quả kinh doanh	8
PHẦN 3: QUY ĐỊNH VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM THEO LUẬT CÁC TCTD	10
I. Căn cứ vào số lỗ lũy kế.....	10
II. Căn cứ vào mức độ xếp hạng tổ chức tín dụng.....	10
III. Căn cứ vào tỷ lệ khả năng chi trả.....	10
IV. Căn cứ vào tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	10
V. Căn cứ vào trình trạng rút tiền của Khách hàng	10
PHẦN 4: CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM VÀ CÁC LỘ TRÌNH, THỜI HẠN THỰC HIỆN TỪNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC	10
I. Thực hiện ngay việc xin chấp thuận của NHNN về các biện pháp hỗ trợ.....	10
II. Các biện pháp dự kiến khắc phục lỗ lũy kế	11
III. Các biện pháp dự kiến khắc phục vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	13
IV. Các biện pháp dự kiến khắc phục vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả và khắc phục tình trạng bị rút tiền hàng loạt.....	14
V. Các biện pháp dự kiến cải thiện xếp hạng dưới mức trung bình	15
PHẦN 5: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
PHỤ LỤC 01: VĂN BẢN LIÊN QUAN	22
PHỤ LỤC 02: DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	23

PHẦN 1: THÔNG TIN, ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VPBANK**I. Thông tin chung****1. Thông tin cơ bản****a. Thông tin Ngân hàng**

- i. Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
 - ii. Mã số doanh nghiệp: 0100233583
 - iii. Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 94/GP-NHNN ngày 28/09/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
 - iv. Trụ sở giao dịch: Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - v. Năm thành lập: 12/08/1993
 - vi. Tiền thân: Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp Ngoài quốc doanh Việt Nam
- b. Vốn điều lệ: Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 79.339.236 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 79.339.236 triệu đồng).

2. Mạng lưới hoạt động:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, tám mươi sáu (86) chi nhánh, hai trăm linh bảy (207) phòng giao dịch trên cả nước và năm (05) công ty con.

3. Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có năm (05) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Được thành lập theo</i>	<i>Ngành hoạt động</i>	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPB AMC”)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần gần nhất ngày 12 tháng 5 năm 2023	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ đồng Việt Nam	100%
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (“VPB SMBC FC”)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp thay đổi gần nhất ngày 14 tháng 2 năm 2022	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	10.928 tỷ đồng Việt Nam	50%
Công ty Cổ phần Chứng khoán	Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà	Các hoạt động chứng khoán Nhà	18.750 tỷ đồng	79,96%

VPBank ("VPBankS")	nước cấp ngày 08 tháng 4 năm 2009 và Giấy phép Điều chỉnh gần nhất ngày 14 tháng 8 năm 2023	Việt Nam
Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPEX ("OPEX") (*)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 79/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất ngày 19 tháng 6 năm 2024	Kinh doanh 1.900 tỷ 89,71% bảo hiểm đồng phi nhân Việt Nam
Ngân hàng thương mại TNHH MTV Kỳ Nguyên Thịnh Vượng (GPBank)	Giấy phép hoạt động số 0043/NHGP ngày 13 tháng 11 năm 1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép Điều chỉnh gần nhất ngày 24 tháng 9 năm 2025	Ngân hàng 0 đồng 100% thương mại Việt Nam

4. Số lượng nhân sự

a. Số lượng nhân sự riêng lẻ:

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 17.554 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 15.003 nhân viên).

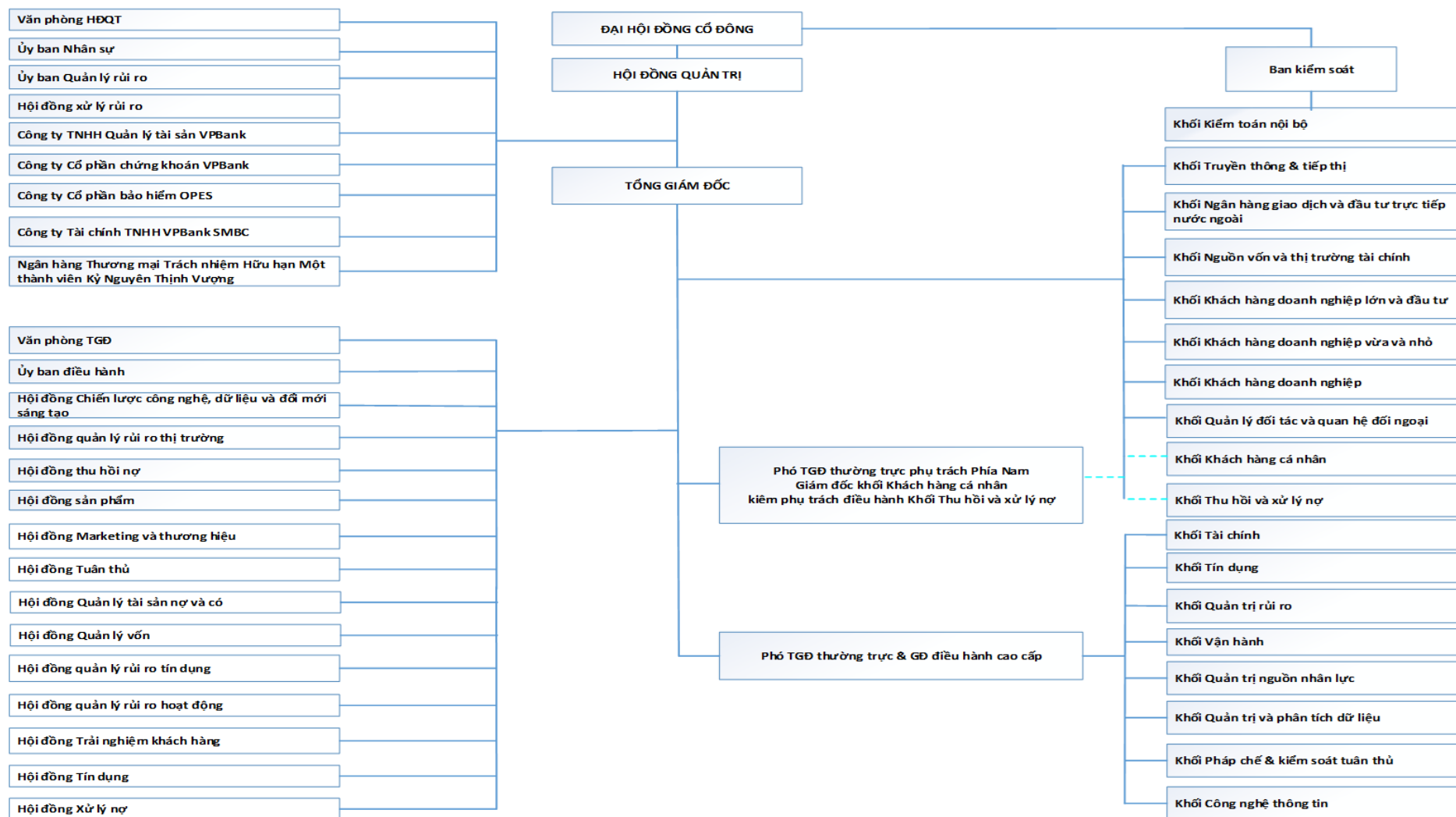
b. Số lượng nhân sự hợp nhất:

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 28.768 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 27.428 nhân viên).

II. Đánh giá về cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành

1. Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ tổ chức của VPBank tại 31/12/2025 như sau:



a. Đại hội đồng cổ đông

- i. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank. ĐHĐCĐ đưa ra ý kiến và quyết định tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và bằng cách biểu quyết bằng văn bản. Tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ít nhất 01 lần/năm, cổ đông VPBank sẽ trực tiếp trao đổi, thảo luận các vấn đề quan trọng với các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành để đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động của Ngân hàng và định hướng hoạt động cho năm tài chính tiếp theo.
- ii. Các quyền, nghĩa vụ và cơ chế hoạt động của cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ Ngân hàng.
- iii. VPBank là một công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nên cũng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán đối với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

b. Hội đồng quản trị

- i. Về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Các thành viên HĐQT VPBank tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên
Bà Phạm Thị Nhung	Thành viên
Ông Takeshi Kimoto	Thành viên
Ông Daniel Ashton Carroll	Thành viên độc lập
Ông Mai Xuân Hùng	Thành viên độc lập

- ii. Về hoạt động của HĐQT:

HĐQT sẽ xem xét phê duyệt các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm, các dự án trọng điểm của Ngân hàng cũng như từng khối; điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với tình hình thực tế thị trường và nội bộ Ngân hàng... HĐQT cũng thực hiện vai trò giám sát đối với hoạt động của TGD và Ban điều hành thông qua các kênh/chốt quản lý, kiểm soát như: tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban điều hành; giám sát hoạt động của Ngân hàng qua các báo cáo hoạt động kinh doanh hàng ngày, tuần, quý và các báo cáo/đề xuất phát sinh khác từ Ban điều hành.

c. Ban kiểm soát

Tại thời điểm 31/12/2025, Ban Kiểm soát VPBank có 05 thành viên, đại diện cho ĐHĐCĐ VPBank giám sát hoạt động của HĐQT, đồng thời đóng vai trò của Ủy ban Kiểm toán theo thông lệ quốc tế, thực hiện việc kiểm soát các hoạt động tài chính và kinh doanh của Ngân hàng; kiểm tra các BCTC thường niên và các hoạt động tài chính khác; giám sát cấp cao đối với Kiểm toán nội bộ thông qua việc quản lý trực tiếp Khối KTNB

của Ngân hàng. BKS VPBank chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình trước ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, BKS cũng thường xuyên làm việc với HĐQT và Ban Điều hành để trao đổi, tư vấn những rủi ro, những vấn đề chính được phát hiện trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình.

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Kim Ly Huyền	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách
Ông Vũ Hồng Cao	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hợp	Thành viên
Bà Bùi Minh Ngọc	Thành viên
Ông Yasunori Takahashi	Thành viên

d. Ban Điều hành

Các thành viên của Ban Điều hành được bổ nhiệm phù hợp với yêu cầu về hoạt động của Ngân hàng. Đội ngũ Ban Điều hành của VPBank bao gồm các nhân sự phụ trách kinh doanh theo các phân khúc khách hàng nhằm phát huy các mục tiêu phát triển kinh doanh và các nhân sự thuộc các khối hỗ trợ khác.

Tại thời điểm 31/12/2025, Ban Điều hành của VPBank bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc thường trực và Giám đốc điều hành cao cấp
Ông Phùng Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách phía Nam
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Nho	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kamijo Hiroki	Phó Tổng Giám đốc

2. Đánh giá về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị điều hành

a. Hệ thống quản trị điều hành tại VPBank được thiết lập để xác định các mục tiêu của Ngân hàng và các phương tiện để đạt được các mục tiêu đó. HĐQT và Ban Điều hành luôn theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông; giám sát hoạt động của Ngân hàng một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Ngân hàng sử dụng các nguồn lực một cách tốt hơn. Phương thức quản trị điều hành của VPBank dựa trên các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý; bảo đảm hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Bảo đảm quyền lợi của cổ đông, những người có liên quan;
- Bảo đảm đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai, minh bạch hoạt động của Ngân hàng.

b. Theo cơ cấu tổ chức của VPBank, các Hội đồng, Ủy ban hỗ trợ cho HĐQT, TGD đều đã

được thiết lập và hoạt động quy củ. Chức năng kiểm toán nội bộ cũng đã được tăng cường thông qua việc thành lập Khối Kiểm toán Nội bộ, với các phòng chức năng phụ trách kiểm toán các khối kinh doanh, các khối hỗ trợ, và các đơn vị trực thuộc. Cơ chế giám sát, quản lý đã được thể hiện trong các văn bản liên quan như Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, TGD, các Ủy ban, các Hội đồng, Ban kiểm soát...

- c. Bộ máy cơ cấu tổ chức được xây dựng đảm bảo quy định của pháp luật. Số lượng thành viên và cơ cấu của HĐQT và BKS của VPBank luôn đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật và phù hợp với quy mô của Ngân hàng. Các thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành VPBank đều là những người được đào tạo bài bản; có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, ngân hàng; đáp ứng đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của NHNN Việt Nam và VPBank; hiểu biết sâu sắc về các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của mình.
- d. Cơ chế giám sát Công ty con cũng đã được quy định trong các Chính sách khung về QTRR, Điều lệ hoạt động công ty con, Quy chế đầu tư, Chế độ tài chính, Người đại diện phần vốn góp... Các cơ chế báo cáo, kiểm soát theo ngành dọc chuyên môn đang được triển khai.

Nhìn chung, hệ thống quản trị công ty của VPBank đã được xây dựng đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các quy định của pháp luật. Các chính sách, quy định nội bộ về quản trị công ty đã được áp dụng, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước; đồng thời cập nhật các thông tin mới, tiên tiến liên quan đến xu hướng quản trị công ty, các vấn đề liên quan đến môi trường xã hội, minh bạch thông tin... hướng đến một hệ thống quản trị công ty tiên tiến theo các thông lệ quốc tế tốt nhất. Cơ chế giám sát quản lý cấp cao tại VPBank đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định Thông tư 13/2018/TT-NHNN và bám sát tình hình hoạt động thực tiễn tại Ngân hàng. Tuy vậy, với mong muốn trở thành một trong năm ngân hàng TMCP hàng đầu Việt nam, HĐQT VPBank nhận thức rõ ràng về vai trò quan trọng trong quản trị công ty, giám sát và quản lý cấp cao đối với việc đảm bảo tính bền vững trong tăng trưởng và giải quyết những thách thức mà Ngân hàng có thể gặp phải trong quá trình phát triển.

PHẦN 2: THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VPBANK

Trong năm 2025, VPBank ghi nhận kết quả kinh doanh bứt phá, vượt kế hoạch ở hầu hết các chỉ tiêu trọng yếu, với lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt hơn 30.600 tỷ đồng và tổng tài sản hợp nhất tăng mạnh lên khoảng 1,26 triệu tỷ đồng, khẳng định vị thế dẫn đầu trong nhóm ngân hàng thương mại tư nhân. Tăng trưởng được thúc đẩy đồng thời ở cả tín dụng, huy động và hiệu quả hoạt động, với sự đóng góp tích cực từ ngân hàng mẹ và các công ty con. Song song với mở rộng quy mô, VPBank tiếp tục kiểm soát tốt chất lượng tài sản và các chỉ tiêu an toàn, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo. Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính trọng yếu của VPBank trong năm 2025 trong mối tương quan so sánh với năm 2024.

I. Quy mô vốn

1. Vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn chủ sở hữu riêng lẻ của VPBank tại các thời điểm báo cáo như sau:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2024	31/12/2025
Vốn chủ sở hữu		
Vốn điều lệ	79.339	79.339
Thặng dư vốn cổ phần	23.993	23.993
Cổ phiếu quỹ	0	0
Các quỹ của tổ chức tín dụng	12.110	16.120
Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	24.847	37.975
Tổng vốn chủ sở hữu	140.289	157.427

(Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán của VPBank năm 2024 và năm 2025)

2. Vốn huy động

Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng, VPBank triển khai đồng bộ nhiều giải pháp huy động vốn. Ngân hàng ưu tiên huy động từ khách hàng cá nhân và tổ chức qua các kênh truyền thống, online và số hóa nhằm duy trì tăng trưởng ổn định, bền vững của nguồn vốn chủ lực. Tiền gửi khách hàng tăng trưởng mạnh, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn, tạo nền tảng thanh khoản vững chắc cho hoạt động tín dụng. Đồng thời, VPBank đa dạng hóa các nguồn huy động như vay ngoại tệ chi phí hợp lý từ các tổ chức tài chính quốc tế và phát hành giấy tờ có giá để tăng nguồn vốn trung dài hạn, đảm bảo an toàn thanh khoản và phù hợp với mục tiêu phát triển từng giai đoạn.

Chi tiết Nguồn vốn huy động:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2024		31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi của Khách hàng	485.736	67%	631.346	64%
Phát hành GTCG	46.596	6%	90.588	9%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	190.192	26%	265.044	27%
Tiền gửi của các TCTD khác	111.821	15%	137.839	14%
Vay các TCTD khác	78.371	11%	127.205	13%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	11	0,002%	16	0,00002%
Tổng	722.535	100%	986.994	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của VPBank năm 2024 và năm 2025)

II. Hoạt động cấp tín dụng và chất lượng tài sản

1. Tình hình cấp tín dụng

a. Cơ cấu danh mục cho vay theo kỳ hạn như sau:

Theo kỳ hạn (Đơn vị: Tỷ đồng)	Tổng dư nợ	Tỷ lệ %
Tổng	845.441	100%
Nợ trung và dài hạn	527.073	62,34%
Nợ ngắn hạn	318.368	37,66%

(Nguồn: Sao kê tín dụng của VPBank tại 31/12/2025)

b. Đánh giá chung về hoạt động cấp tín dụng

- VPBank luôn ưu tiên và xác định nâng cao chất lượng tài sản, đảm bảo các chỉ số tín dụng là nhiệm vụ hàng đầu nhằm tạo nền tảng tốt để phát triển bền vững.
- VPBank áp dụng hệ thống kiểm soát Basel II; điều chỉnh chính sách, sản phẩm phù hợp; đa dạng hóa lĩnh vực, đối tượng, hình thức cho vay; nâng cao chất lượng thẩm định, kiểm soát sau cho vay đồng thời áp dụng các biện pháp thu hồi nợ, xử lý tài sản đảm bảo, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro... đã đạt được kết quả tích cực, chất lượng tín dụng ngày càng được cải thiện.
- Trong quá trình cấp tín dụng, VPBank luôn đa dạng, linh hoạt các hình thức cho vay như: loại tiền cho vay, kỳ hạn và đối tượng cấp tín dụng.

2. Chất lượng tài sản

- Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng quy mô nợ xấu nội bảng đạt 21.632,9 tỷ, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN của VPBank là 2,03 %, tuân thủ yêu cầu của NHNN, dưới tỷ lệ 3%; Tỷ lệ nợ nhóm 2 ở mức 2,26 %.
- Để đạt được kết quả như trên là những nỗ lực đáng kể của tất cả các bộ phận toàn hệ thống. Các khoản vay được quản lý tín dụng, định giá TSBD, đánh giá khách quan độc lập ngay từ hồ sơ đầu vào tại các phòng ban phê duyệt với chuyên môn thẩm định, tái thẩm định.
- Quá trình giám sát, kiểm tra sau vay được thực hiện nghiêm túc, định kỳ hàng tháng, hàng quý theo đúng quy định nhằm phát hiện sớm rủi ro, kịp thời có những biện pháp xử lý nhằm hạn chế nợ xấu gia tăng.

III. Kết quả kinh doanh

Dưới sự định hướng và điều hành linh hoạt của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, kết quả kinh doanh VPBank liên tục tăng trưởng bền vững qua các năm với hiệu quả tốt đi đôi với việc duy trì bảng cân đối an toàn và tối ưu.

Chỉ tiêu	Riêng lẻ			Hợp nhất		
(Đơn vị: Tỷ đồng)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025 so với 2024	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025 so với 2024
Các chỉ tiêu bằng cân đối						
Tổng tài sản	879.836	1.170.921	33,08	923.848	1.260.150	36,40
Huy động khách hàng (gồm GTCG)	532.332	721.934	35,62	552.642	735.165	33,03
Cho vay khách hàng (gồm Trái phiếu doanh nghiệp)	623.186	848.246	36,11	709.180	960.053	35,38
Vốn chủ sở hữu	140.289	157.427	12,22	147.275	180.276	22,41
Chỉ tiêu kết quả kinh doanh						
Tổng thu nhập hoạt động	44.293	53.382	20,52	62.255	74.654	19,92
Trong đó:						
<i>Thu nhập lãi thuần</i>	36.334	44.356	22,08	49.080	58.663	19,52
<i>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</i>	3.901	4.089	4,81	6.126	7.382	20,50
<i>Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối</i>	776	320	(58,81)	827	297	(64,09)
<i>Lãi thuần từ mua bán Chứng khoán kinh doanh</i>	42	2	(96,01)	361	1.567	333,97
<i>Lãi thuần từ mua bán Chứng khoán đầu tư</i>	411	18	(95,54)	470	4	(99,05)
<i>Lãi thuần từ hoạt động khác</i>	2.600	4.314	65,91	5.378	6.706	24,70
Lợi nhuận trước thuế	18.260	26.364	44,38	20.013	30.625	53,03
Lợi nhuận sau thuế	14.641	21.106	44,15	15.987	24.355	52,34
ROE	12,80%	16,91%	32,11%	11,51%	15,86%	37,80%
ROA	1,84%	2,10%	14,13%	1,85%	2,21%	19,46%
CIR	21,70%	25,42%	17,14%	23,03%	24,96%	8,38%

(Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán của VPBank năm 2024 và năm 2025)

PHẦN 3: QUY ĐỊNH VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM THEO LUẬT CÁC TCTD

Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:

I. Căn cứ vào số lỗ lũy kế

Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật TCTD năm 2024.

II. Căn cứ vào mức độ xếp hạng tổ chức tín dụng

Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

III. Căn cứ vào tỷ lệ khả năng chi trả

Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật TCTD năm 2024 trong thời gian 30 ngày liên tục.

IV. Căn cứ vào tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật TCTD năm 2024 trong thời gian 06 tháng liên tục.

V. Căn cứ vào trình trạng rút tiền của Khách hàng

Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.

PHẦN 4: CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM VÀ CÁC LỘ TRÌNH, THỜI HẠN THỰC HIỆN TỪNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

I. Thực hiện ngay việc xin chấp thuận của NHNN về các biện pháp hỗ trợ

1. Trường hợp VPBank được can thiệp sớm, VPBank áp dụng Điều 159 Luật các TCTD về các biện pháp hỗ trợ TCTD được can thiệp sớm. Theo đó, VPBank thực hiện ngay công văn gửi NHNN chấp thuận bằng văn bản đối với một số biện pháp hỗ trợ sau:
 - a. Lộ trình tuân thủ một hoặc một số giới hạn, tỷ lệ quy định tại Điều 136 và Điều 138 của Luật TCTD.
 - b. Khi thực hiện giải pháp tăng vốn điều lệ theo phương án khắc phục, cổ đông, thành viên góp vốn của VPBank được sở hữu cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 63 và Điều 77 của Luật TCTD. Cổ đông, thành viên góp vốn phải có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp để tuân thủ giới hạn.
2. Trường hợp VPBank được can thiệp sớm và có số lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết

luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, VPBank gửi công văn cho NHNN xin chấp thuận về việc:

- a. Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm thì số tiền trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệch thu chi;
- b. Trường hợp VPBank có lãi phải thu phải thoái, VPBank được phân bổ lãi phải thu phải thoái theo năng lực tài chính trên nguyên tắc tổng mức phân bổ lãi phải thu phải thoái và số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm của VPBank. Thời gian phân bổ lãi phải thu phải thoái tối đa 05 năm kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và chỉ áp dụng cho khoản phải thu phát sinh đến thời điểm Ngân hàng Nhà nước có văn bản quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật Tổ chức tín dụng.
- c. Các biện pháp khác theo thẩm quyền của NHNN.

II. Các biện pháp dự kiến khắc phục lỗ lũy kế

VPBank xác định việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, kiểm soát rủi ro và cải thiện chất lượng tài sản là giải pháp trọng tâm nhằm khắc phục lỗ lũy kế và đảm bảo hoạt động an toàn, bền vững. Theo đó, Ngân hàng tập trung triển khai ngay và đồng bộ các nhóm giải pháp dưới đây, đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động của VPBank theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, cơ cấu lại nguồn thu

- a. Đẩy mạnh phát triển các hoạt động dịch vụ, ngân hàng số và các sản phẩm phi tín dụng nhằm gia tăng thu nhập ngoài lãi, cải thiện cơ cấu thu nhập theo hướng bền vững.
- b. Phát triển các sản phẩm tiền gửi, CASA, thanh toán, quản lý dòng tiền, ngoại hối, POS/cổng thanh toán điện tử; mở rộng hệ sinh thái và tăng cường bán chéo sản phẩm trên tập khách hàng hiện hữu.
- c. Kiểm soát, hạn chế các hoạt động kinh doanh hiệu quả thấp hoặc tiềm ẩn rủi ro cao.

2. Phát triển mô hình kinh doanh đa dịch vụ gắn với chuyển đổi số

- a. Phát triển mô hình kinh doanh đa dịch vụ, chú trọng hoạt động Marketing, thực hiện tốt chính sách khách hàng, phát triển đa dạng sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, đặc biệt chú trọng vào hoạt động thanh toán, gia tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động phi tín dụng trong cơ cấu thu nhập.
- b. Có chính sách khai thác công nghệ hiệu quả thông qua việc phát triển những sản phẩm và nhóm sản phẩm áp dụng công nghệ cao nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh về sản phẩm, dịch vụ, tạo ra sự đa dạng trong lựa chọn sản phẩm.
- c. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, trong đó chú ý về các giải pháp về an ninh, bảo mật hiện đại để giảm chi phí giao dịch, phòng ngừa rủi ro, nâng cao tính chuyên môn, chuyên nghiệp trong cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử.

3. Rà soát mạng lưới và hiệu quả hoạt động của các đơn vị

- a. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các chi nhánh/đơn vị trên toàn hệ thống; thực hiện tái cơ cấu, thu hẹp hoặc chấm dứt hoạt động đối với các đơn vị hoạt động kém hiệu quả nhằm tiết giảm chi phí.
- b. Giám sát chặt chẽ các đơn vị âm lợi nhuận, triển khai các giải pháp thoát lỗ và nâng cao tính chủ động trong quản lý kết quả kinh doanh.
- c. Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, giảm dần tỷ lệ nợ quá hạn, rà soát, điều chỉnh chính sách cho vay/giải ngân mới, đặc biệt các sản phẩm tín chấp nhằm hạn chế nhóm khách hàng rủi ro cao, tăng chất lượng nợ ngay từ đầu vào.

4. Giới hạn cấp tín dụng và tăng trưởng tín dụng

- a. Biện pháp khắc phục dự kiến trong ngắn hạn

VPBank triển khai các biện pháp kiểm soát tức thời nhằm giảm tài sản có rủi ro và ổn định tỷ lệ an toàn vốn, bao gồm:

- i. Điều chỉnh cơ cấu danh mục theo hướng thận trọng, giảm tập trung vào các tài sản và phân khúc có hệ số rủi ro cao theo quy định của NHNN.
- ii. Tăng cường các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, kiểm soát chặt nhu cầu vốn và điều kiện bảo đảm đối với các khoản cấp tín dụng.
- iii. Chủ động xử lý, thu hồi và giảm các khoản mục tài sản kém hiệu quả nhằm giảm tài sản có rủi ro trong ngắn hạn.
- iv. Tăng cường rà soát, cập nhật thông tin tài chính và tài sản bảo đảm của khách hàng để kịp thời điều chỉnh phân loại tài sản.

- b. Biện pháp khắc phục dự kiến trong dài hạn

Trong trung và dài hạn, VPBank từng bước củng cố công tác quản trị và điều tiết tài sản có rủi ro, cụ thể:

- i. Rà soát, hoàn thiện chính sách sản phẩm và quy trình cấp tín dụng nhằm đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích và kiểm soát rủi ro hiệu quả.
- ii. Xây dựng cấu trúc danh mục mục tiêu trên cơ sở phân tích chất lượng và hiệu quả danh mục, kiểm soát tỷ trọng các phân khúc rủi ro cao.
- iii. Chủ động điều chỉnh hạn mức danh mục tín dụng và đầu tư gắn với mức độ rủi ro và hiệu quả.
- iv. Tăng cường giám sát, báo cáo và hệ thống cảnh báo sớm nhằm kịp thời phát hiện và can thiệp khi chất lượng tài sản suy giảm.

5. Tiết giảm chi phí hoạt động

- a. VPBank triển khai các biện pháp rà soát và tối ưu chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với tình hình tài chính trong trường hợp được can thiệp sớm.

- b. Đối với chi phí nhân sự, Ngân hàng thực hiện rà soát và trình cấp có thẩm quyền các biện pháp tối ưu trong ngắn và dài hạn, bao gồm nhưng không giới hạn điều chỉnh kế hoạch tuyển dụng, tái cơ cấu nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đồng thời tăng cường đào tạo để nâng cao năng suất lao động.
- c. Đối với các chi phí hoạt động khác, VPBank tập trung rà soát các nhóm chi phí lớn, chi phí biến đổi theo kinh doanh và các khoản đầu tư mới; ưu tiên cắt giảm, lùi hoặc thu hẹp các hạng mục chưa thực sự cấp thiết; đồng thời tối ưu công tác mua sắm, đàm phán giá và kiểm soát chi phí vận hành thường xuyên.

III. Các biện pháp dự kiến khắc phục vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Để khắc phục vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, Ngân hàng tập trung triển khai ngay và đồng bộ các nhóm giải pháp dưới đây, đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động của VPBank theo từng giai đoạn, nhằm tăng cường năng lực tài chính, kiểm soát rủi ro và đưa tỷ lệ an toàn vốn về ngưỡng tuân thủ theo quy định của NHNN, bao gồm:

1. Tăng vốn và cải thiện chất lượng nguồn vốn tự có

- a. Giữ lại toàn bộ lợi nhuận sau trích lập các quỹ theo quy định, không chia cổ tức bằng tiền mặt nhằm tăng cường vốn tự có.
- b. Nghiên cứu, triển khai các phương án phát hành công cụ vốn, công cụ nợ đủ điều kiện tính vào vốn cấp 1 và vốn cấp 2 theo quy định của NHNN.
- c. Hạn chế đầu tư mới và từng bước thoái vốn tại các khoản đầu tư thuộc đối tượng bị giảm trừ vốn tự có theo quy định pháp luật.
- d. Khi thực hiện giải pháp tăng vốn điều lệ theo phương án khắc phục, cổ đông, thành viên góp vốn của VPBank được sở hữu cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 63 và Điều 77 của Luật TCTD. Theo đó, lộ trình cổ đông, thành viên góp vốn giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp để tuân thủ giới hạn, dự kiến trong thời gian từ 3-5 năm bằng hình thức như là: chuyển nhượng cho cổ đông trong và ngoài nước khác.

2. Kiểm soát, nâng cao chất lượng tài sản có

Trên cơ sở rà soát rủi ro theo trạng thái/danh mục/hoạt động, VPBank nhận diện các nguyên nhân làm tăng hệ số rủi ro bình quân và xây dựng lộ trình biện pháp để đưa tỷ lệ an toàn vốn về ngưỡng tuân thủ NHNN.

- a. Biện pháp khắc phục dự kiến trong ngắn hạn
 - i. Giảm tập trung vào tài sản có hệ số rủi ro cao theo quy định NHNN; ưu tiên hạn chế cấp tín dụng cho đầu tư/kinh doanh chứng khoán, tín dụng chuyên biệt, khách hàng rủi ro cao (vốn chủ sở hữu âm, đòn bẩy cao, doanh thu thấp, doanh nghiệp mới thành lập, sản phẩm rủi ro và gây lỗ).
 - ii. Tăng cường giảm thiểu rủi ro thông qua yêu cầu bổ sung TSBĐ, siết điều kiện cấp tín dụng và kiểm soát không cấp vượt nhu cầu thực tế của khách hàng.

- iii. Giảm RWA tức thời bằng bán nợ cho VAMC theo mức ưu tiên hệ số rủi ro (cao → thấp) và cải thiện “tài sản có khác” (rà soát/thu hồi/xử lý các khoản phải thu tạm treo...).
 - iv. Làm sạch dữ liệu (cập nhật BCTC, thông tin TSBD...) để giảm nhóm tài sản có hệ số rủi ro cao phát sinh do thiếu thông tin.
- b. Biện pháp khắc phục dự kiến trong dài hạn
- i. Rà soát chính sách sản phẩm/quy trình cho vay nhằm đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích và không cấp vượt nhu cầu; quy định rõ khoản vay bắt buộc có TSBD, LTV tối đa; thiếu TSBD thì phải bổ sung trước khi phê duyệt.
 - ii. Thiết kế danh mục mục tiêu dựa trên phân tích chất lượng; các sản phẩm/phân khúc rủi ro cao được kiểm soát tỷ trọng giải ngân mới ở mức nhỏ.
 - iii. Điều chỉnh hạn mức danh mục (đầu tư/cho vay) của các khối kinh doanh theo hiệu quả gắn với hệ số rủi ro.
 - iv. Duy trì báo cáo phân tích biến động hệ số rủi ro theo tài sản/phân khúc/ngành và gửi BLĐ & khối kinh doanh; đồng thời củng cố hệ thống giám sát/cảnh báo sớm suy giảm chất lượng tài sản có để can thiệp kịp thời.

3. Ngăn ngừa gia tăng nợ xấu, nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng

- a. Tăng cường quản lý rủi ro tín dụng nhằm giảm chi phí dự phòng, kiểm soát rủi ro tập trung và định hướng tăng trưởng tín dụng phù hợp với khả năng huy động vốn.
- b. Nâng cao năng lực thẩm định tín dụng, đặc biệt là phân tích dự án; hạn chế hoặc không cấp tín dụng đối với các lĩnh vực, mục đích kinh doanh tiềm ẩn rủi ro cao.
- c. Rà soát, đánh giá lại các khoản nợ đang được cơ cấu lại thời hạn trả nợ để phân loại nợ theo đúng quy định, đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn và hiệu quả.
- d. Triển khai đồng bộ các giải pháp xử lý nợ xấu như thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm, khởi kiện, bán nợ và sử dụng dự phòng rủi ro; đồng thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ phù hợp để khách hàng khắc phục khó khăn và phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- e. Thường xuyên rà soát, theo dõi khách hàng vay, khoản tín dụng và tài sản bảo đảm; lựa chọn và phát triển nhóm khách hàng cốt lõi có tình hình tài chính lành mạnh; nâng cao hiệu quả kiểm soát, kiểm toán nội bộ và hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.

IV. Các biện pháp dự kiến khắc phục vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả và khắc phục tình trạng bị rút tiền hàng loạt

Để khắc phục tình trạng vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả và khắc phục tình trạng bị rút tiền hàng loạt nếu có phát sinh, Ngân hàng tập trung triển khai ngay và đồng bộ các nhóm giải pháp dưới đây, đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động của VPBank theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:

1. Các biện pháp dự kiến thực hiện ngay để cải thiện khả năng thanh khoản

- a. Cân nhắc sử dụng chính sách giá để duy trì và tăng quy mô huy động.
- b. Tập trung vào việc duy trì và thu hồi các khoản vay hiện tại. Cân nhắc hạn chế giải ngân và/

hoặc ngừng phê duyệt các hồ sơ vay vốn mới.

- c. Chuyển đổi tài sản bao gồm tài sản thanh khoản cao và các tài sản có khác sang tiền mặt.
- d. Xây dựng kế hoạch sử dụng hỗ trợ bên ngoài bao gồm hạn mức vay vốn từ các TCTD trong nước và nước ngoài, các nguồn vốn bổ sung để duy trì thanh khoản.
- e. Đảm bảo đủ tiền mặt và sẵn sàng phân phối đến các Chi nhánh/Phòng Giao dịch và ATM.
- f. Đảm bảo hoạt động nhịp nhàng và thông suốt của tất cả các điểm liên lạc gián tiếp với khách hàng, bao gồm giao dịch trên internet và qua điện thoại.

2. Các biện pháp dự kiến truyền thông, công nghệ thông tin thực hiện ngay để khắc phục tình trạng rút tiền hàng loạt

- a. Lên các phương án dự phòng cụ thể khi gặp phải tình trạng rút tiền hàng loạt và tình trạng các kênh thanh toán qua mạng bị trục trặc để đảm bảo các lệnh thanh toán, điều chuyển nguồn được xử lý kịp thời.
- b. Chuẩn bị các kịch bản truyền thông: Chuẩn bị các báo cáo truyền thông nội bộ/bên ngoài, tăng cường rà soát các kênh thông tin, theo dõi phản ứng của giới truyền thông và trên internet để xử lý kịp thời.
- c. Truyền tải thông điệp tới các cá nhân, đơn vị liên quan: Đảm bảo các thông điệp từ Ban lãnh đạo được thông tin kịp thời và đầy đủ tới nhân viên, cán bộ các chi nhánh và các đơn vị chủ chốt.
- d. Đảm bảo hoạt động nhịp nhàng và thông suốt: Đảm bảo hoạt động nhịp nhàng và thông suốt của tất cả các điểm liên lạc gián tiếp với Khách hàng, bao gồm giao dịch trên internet và qua điện thoại.

3. Biện pháp ngắn hạn dự kiến để cải thiện khả năng thanh khoản

Tăng cường nguồn huy động từ khách hàng cũng như các TCTD khác trong nước và nước ngoài, đặc biệt các kỳ hạn dài hơn để duy trì nguồn vốn ổn định.

4. Biện pháp khắc phục dài hạn dự kiến để cải thiện khả năng thanh khoản

Ngoài các biện pháp thực hiện tại mục 3, đồng thời triển khai thêm các chính sách giá để tiếp tục thu hút thêm tiền gửi mới, điều tiết tiến độ giải ngân và phối hợp chặt chẽ với NHNN để thực hiện các giải pháp hỗ trợ khác nếu cần thiết.

V. Các biện pháp dự kiến cải thiện xếp hạng dưới mức trung bình

Để khắc phục tình trạng ngân hàng có xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN, Ngân hàng tập trung triển khai ngay và đồng bộ các nhóm giải pháp dưới đây, đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động của VPBank theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:

1. Nâng cao năng lực quản trị, điều hành

- a. Tổ chức lại bộ máy quản trị, điều hành, nâng cao năng lực quản trị kinh doanh, tính minh bạch trong hoạt động

- i. Rà soát và quy định cụ thể về trách nhiệm trước pháp luật của thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, kiểm toán nội bộ, đặc biệt là đối với việc phê duyệt các hợp đồng tín dụng/đầu tư, thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và báo cáo các Cơ quan quản lý Nhà nước. Đồng thời có quy định nâng cao về tiêu chuẩn năng lực QTRR, đạo đức kinh doanh của thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, các chức danh chủ chốt.
 - ii. Rà soát và bảo đảm tính độc lập về thẩm quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát của Ngân hàng
 - iii. Tăng cường xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ nghiệp vụ cao, có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật. Tích cực đào tạo, đào tạo lại, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên cho CBNV đối với các sản phẩm dịch vụ mới cung cấp.
 - iv. Rà soát, hoàn thiện và nâng cấp, áp dụng hệ thống QTRR phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel và lộ trình áp dụng Basel II, III tại Việt Nam.
 - v. Nâng cao hiệu quả nhân sự quản lý, đội ngũ bán để phục vụ khách hàng tốt hơn; tiếp tục áp dụng giải pháp luân chuyển cán bộ quản lý: Thực hiện các biện pháp luân chuyển cán bộ quản lý để tối ưu hóa hiệu quả từ việc bổ nhiệm đúng người, thúc đẩy việc đưa ra các sáng kiến áp dụng trong kinh doanh.
- b. Hiện đại hóa ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh
- i. Rà soát xác định rõ chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ, phù hợp với diễn biến của chu kỳ kinh tế.
 - ii. Rà soát xây dựng, củng cố và phát triển thương hiệu ngân hàng gắn với các sản phẩm và thế mạnh riêng có.
 - iii. Cải tiến và đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục vay vốn, tạo thuận lợi cho khách hàng.
 - iv. Rà soát để xác định khách hàng mục tiêu, xây dựng chiến lược khách hàng và tăng cường phát triển mạng lưới.
 - v. Tăng cường mở rộng quan hệ đại lý với các tổ chức tài chính nước ngoài, đẩy mạnh tiếp cận thị trường quốc tế.
 - vi. Chủ động tìm hiểu thông tin, sẵn sàng tận dụng cơ hội, lợi thế từ Hiệp định thương mại tự do (FTA), trang bị các điều kiện cần thiết vươn ra thị trường quốc tế, lấy thị trường nội địa làm trọng tâm, xúc tiến hiện diện thương mại của TCTD Việt Nam tại các thị trường tài chính khu vực và quốc tế nhằm gia tăng mảng xuất khẩu dịch vụ tài chính.

2. Tăng cường quản trị rủi ro

- a. Tăng cường quản trị rủi ro tín dụng
 - i. Các biện pháp khắc phục dự kiến trong ngắn hạn

Nhằm nhanh chóng đưa Ngân hàng về trạng thái hoạt động an toàn, VPBank tăng cường rà soát và phân tích chất lượng, mức độ tập trung và quy mô danh mục tài sản có để triển khai các biện pháp điều chỉnh tức thời, kiểm soát rủi ro tín dụng phát sinh.

- Điều chỉnh kế hoạch tăng trưởng và hạn mức cấp tín dụng theo hướng hạn chế các khách hàng, ngành nghề và sản phẩm có mức độ rủi ro cao, đồng thời kiểm soát chặt chẽ hoạt động góp vốn, mua cổ phần và các khoản cấp tín dụng mang tính tập trung.
- Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro và tình trạng tài chính, từ đó xây dựng và triển khai các chiến lược thu hồi nợ phù hợp với từng nhóm khách hàng, đảm bảo hiệu quả và khả thi trong thực tiễn.
- Tập trung đẩy mạnh xử lý nợ xấu và nợ có vấn đề, kết hợp đồng bộ các biện pháp thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm, tổ tụng và các giải pháp pháp lý theo quy định.
- Tăng cường áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm yêu cầu bổ sung tài sản bảo đảm, siết chặt điều kiện cấp tín dụng, kiểm soát tỷ lệ LTV và nâng cao yêu cầu về chất lượng, tính pháp lý của tài sản bảo đảm.

ii. Các biện pháp khắc phục dự kiến trong dài hạn

Trong dài hạn, VPBank từng bước nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng nội bộ, hướng tới kiểm soát rủi ro một cách chủ động, toàn diện và bền vững đối với từng khoản cấp tín dụng và toàn bộ danh mục.

- Ưu tiên lựa chọn khách hàng và ngành nghề có nền tảng tài chính lành mạnh, hoạt động ổn định, khuyến khích cấp tín dụng có tài sản bảo đảm đầy đủ; trường hợp thiếu TSBĐ một phần phải được đánh giá và kiểm soát rủi ro chặt chẽ.
- Duy trì theo dõi, phân tích định kỳ chất lượng danh mục cho vay, tập trung vào quy mô dư nợ, mức độ tập trung theo sản phẩm, địa bàn, ngành nghề và các chỉ số chất lượng tín dụng để kịp thời điều chỉnh chính sách.
- Rà soát, nâng cao và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng, nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu suy giảm khả năng trả nợ của khách hàng, biến động bất lợi của thị trường hoặc rủi ro liên quan đến tài sản bảo đảm.
- Xây dựng và áp dụng cơ chế dừng giải ngân mới đối với các hoạt động kinh doanh, khách hàng hoặc phân khúc rủi ro cao, thua lỗ kéo dài; chỉ xem xét cấp tín dụng trở lại khi các biện pháp phòng ngừa rủi ro được triển khai hiệu quả.
- Nâng cao chất lượng quản lý nợ quá hạn và nợ có vấn đề thông qua tăng cường giám sát sau cho vay, đánh giá nguyên nhân phát sinh rủi ro và điều chỉnh kịp thời chính sách tín dụng nhằm hạn chế tăng trưởng vào nhóm rủi ro.
- Trong quá trình quan hệ tín dụng, căn cứ kết quả đánh giá rủi ro của khách hàng và ngành nghề, VPBank chủ động điều chỉnh các điều kiện tín dụng (bổ sung TSBĐ, điều chỉnh lãi suất, phí và các điều kiện ràng buộc khác) khi hoạt động kinh doanh hoặc thị trường diễn biến bất lợi.

- Tăng cường công tác phân loại nợ và trích lập dự phòng nội bộ theo quan điểm thận trọng, dựa trên đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, xu hướng biến động giá trị tài sản bảo đảm và kết quả từ hệ thống cảnh báo sớm.
- b. Đối với rủi ro thị trường
 - i. Ngắn hạn: Rà soát ngay các hoạt động trading/phái sinh; dừng chấp nhận các trạng thái trading không có hedging thanh khoản, giảm dần các trạng thái hiện hữu không có hedging; với giao dịch ngoại tệ phục vụ khách hàng, hướng tới đóng trạng thái bằng giao dịch đối ứng (back-to-back), không trading theo nhận định tỷ giá/lãi suất. Đồng thời giảm ngay hạn mức rủi ro thị trường bằng cách giảm mức chấp nhận biến động dữ liệu thị trường và giảm vị thế trading tối đa
 - ii. Dài hạn: Duy trì báo cáo rủi ro thị trường hàng ngày cho đơn vị kinh doanh và Ban Lãnh đạo (kèm phân tích kịch bản), đánh giá hiệu quả biện pháp quản trị định kỳ hàng tuần và rà soát mô hình định giá theo chu kỳ hàng quý hoặc khi thị trường/thông tin thay đổi.
- c. Đối với rủi ro hoạt động
 - i. Ngắn hạn: Triển khai RCSA đột xuất toàn hàng; phân tích sự kiện rủi ro hoạt động liên quan can thiệp sớm để tìm nguyên nhân gốc; siết khẩu vị/hạn mức rủi ro hoạt động; rà soát bổ sung KRI và kịch bản rủi ro cho trường hợp can thiệp sớm.
 - ii. Dài hạn: Tăng tần suất RCSA lên 06 tháng/lần trong giai đoạn tăng cường; nâng tần suất giám sát các chỉ số/hạn mức và hiệu quả biện pháp quản trị; cập nhật hạn mức tổn thất hàng năm hoặc khi phát sinh rủi ro trọng yếu mới; đẩy mạnh công cụ cảnh báo sớm và cập nhật các chỉ số/hạn mức rủi ro hoạt động.

3. Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục vi phạm pháp luật

a. Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính

Triển khai các giải pháp đã được xác định trong nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, bao gồm các biện pháp xử lý liên quan lỗ lũy kế (theo Mục II Phần 4 tại văn bản này).

b. Xử lý nợ xấu, TSBĐ

- i. Biện pháp khắc phục trong ngắn hạn
 - Xây dựng kế hoạch/lộ trình và tổ chức triển khai quyết liệt nhằm cải thiện nhanh chất lượng danh mục tín dụng
 - Phân loại danh mục và xử lý theo nhóm, trọng tâm:
 - + Nhóm tổ tụng: thúc đẩy tiến độ tố tụng; phối hợp đôn đốc khách hàng vay/bên bảo đảm; xem xét cơ chế khuyến khích tất toán hoặc nộp tiền để giải chấp TSBĐ nhằm xử lý nhanh toàn bộ/một phần khoản nợ.
 - + Nhóm có khả năng tái cấu trúc: tiếp tục thu hồi song song với đánh giá, xử lý rủi ro và theo dõi riêng theo quy định NHNN và nội bộ.

ii. Biện pháp khắc phục trong dài hạn

- Đối với nợ quá hạn: quản trị theo phân nhóm và làm rõ trách nhiệm phối hợp.
 - + Phân loại theo nhóm nợ/mức độ rủi ro để xây dựng chiến lược thu hồi phù hợp từng giai đoạn (tiền tố tụng/tổ tụng).
 - + Xác định rõ trách nhiệm các đơn vị liên quan; áp dụng linh hoạt các hình thức thu hồi (call/field/tổ tụng/xử lý TSBD...) theo chiến lược từng thời kỳ.
- Đối với nợ có vấn đề (can thiệp sớm):
 - + Xác định rõ dấu hiệu cảnh báo theo thực tế (quá hạn gốc/lãi, theo nhóm nợ, dấu hiệu vi phạm pháp luật...).
 - + Áp dụng biện pháp xử lý phù hợp: xử lý/điều chỉnh TSBD (giải chấp/đổi chấp/yêu cầu bổ sung), thay đổi trật tự thu nợ, cơ cấu nợ, miễn giảm lãi, xử lý TSBD, mua bán nợ, khoanh nợ...

c. Khắc phục vi phạm pháp luật

Tại VPBank, các hành vi vi phạm pháp luật phải được phát hiện, đấu tranh, xác minh, làm rõ và xử lý. Việc xử lý vi phạm tuân thủ phải kết hợp giữa đấu tranh và lấy mục tiêu giáo dục, phòng ngừa vi phạm tuân thủ làm trọng tâm. Căn cứ theo các nguồn thông tin về vi phạm pháp luật, VPBank xây dựng các quy trình áp dụng cụ thể đối với đơn vị, cá nhân có liên quan, cụ thể:

i. Khắc phục vi phạm pháp luật theo luồng tự phát hiện

- Xác định các điểm cần làm rõ bao gồm: nội dung vi phạm/rủi ro tuân thủ, nguyên nhân khách quan/chủ quan.
- Đánh giá mức độ ảnh hưởng và hậu quả pháp lý.
- Phân loại mức độ rủi ro.
- Đưa ra các giải pháp, biện pháp và thời hạn khắc phục phù hợp, kịp thời đối với từng nội dung vi phạm/rủi ro tuân thủ.
- Đơn vị vi phạm thực hiện khắc phục, chỉnh sửa các nội dung vi phạm/ rủi ro tuân thủ theo thời hạn cam kết.
- Khối Pháp chế thực hiện theo dõi, giám sát, cập nhật, khắc phục rủi ro tuân thủ và thực hiện báo cáo định kỳ/đột xuất tới cấp lãnh đạo.

ii. Khắc phục vi phạm pháp luật theo kiến nghị của Cơ quan thanh tra, giám sát

- Xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục kiến nghị theo các kết luận thanh tra tại các đơn vị phát sinh thanh tra.
- Thực hiện khắc phục, chỉnh sửa các kiến nghị/khuyến nghị theo đúng thời hạn nêu tại kết luận thanh tra.
- Tổng hợp và gửi báo cáo khắc phục/giải trình kèm chứng từ, tài liệu theo đúng thời hạn cho NHNN/Đoàn thanh tra.

- Khối Pháp chế thực hiện theo dõi, giám sát, đôn đốc các đơn vị thực hiện việc khắc phục theo kiến nghị nêu tại kết luận thanh tra.
 - Khối Pháp chế thực hiện lập báo cáo định kỳ/đợt xuất về tình hình thực hiện khắc phục/giải trình các kiến nghị thanh tra gửi tới cấp lãnh đạo.
- iii. Khắc phục các kiến nghị của kiểm toán độc lập
- Xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục kiến nghị/khuyến nghị nêu tại báo cáo kiểm toán độc lập/Thư quản lý.
 - Tổng hợp và gửi báo cáo khắc phục/giải trình kèm chứng từ, tài liệu theo đúng thời hạn nêu tại báo cáo kiểm toán độc lập.
 - Khối Pháp chế thực hiện theo dõi, giám sát, đôn đốc các đơn vị thực hiện việc khắc phục theo kiến nghị nêu tại báo cáo kiểm toán độc lập.
 - Khối Pháp chế thực hiện lập báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện khắc phục/giải trình các kiến nghị tại báo cáo kiểm toán độc lập gửi tới cấp lãnh đạo.
- iv. Đối với trường hợp CBNV vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của Ngân hàng
- Tùy theo hành vi vi phạm, tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, sự chủ động trong việc phát hiện,... VPBank sẽ áp dụng các quy định xử lý cụ thể:
- Phối hợp xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật
 - + CBNV có hành vi vi phạm pháp luật sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật như bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự;
 - + VPBank sẽ phối hợp các cơ quan chức năng trong việc xác minh, điều tra, xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.
 - Xử lý đối với các vi phạm quy định của VPBank
 - + CBNV có hành vi vi phạm trong hoạt động ngân hàng tại VPBank sẽ bị áp dụng các chế tài xử lý vi phạm theo quy định của VPBank và nếu vi phạm đến mức xử lý hình sự thì sẽ chuyển cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. Các hành vi vi phạm cụ thể, hình thức xử lý sẽ được áp dụng tương ứng với từng hành vi vi phạm theo quy định tại Nội quy lao động của VPBank, các quy định có liên quan.
 - + Thực hiện các thủ tục xử lý vi phạm theo quy trình, quy định của VPBank trong từng thời kỳ.
 - + Thực hiện các thủ tục xử lý trách nhiệm vật chất theo quy định tại Nội quy lao động và quy định của pháp luật trong trường hợp vi phạm dẫn đến rủi ro, thiệt hại vật chất cho VPBank.
 - Xử lý trách nhiệm của người quản lý đối với hành vi vi phạm xảy ra tại Đơn vị
 - + Nếu quản lý của một đơn vị để xảy ra nhiều vi phạm thì sẽ bị thống kê số lượng nhân viên vi phạm, tính chất mức độ vi phạm để xác định chế tài xử lý đối với cấp quản lý.
 - + Quản lý, kiểm soát có thể bị xử lý trách nhiệm của người kiểm soát, phê duyệt khi tham

gia các quy trình nghiệp vụ tùy theo vị trí, chức năng theo đúng quy định của VPBank (tương tự như mục ii nêu trên).

- Trường hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo người lao động tại VPBank
 - + Xác minh tố cáo, yêu cầu người bị tố cáo có ý kiến làm rõ về nội dung tố cáo;
 - + Thực hiện các thủ tục xử lý vi phạm nếu qua xác minh tố cáo phát hiện có hành vi vi phạm quy định nội bộ của VPBank;
 - + Chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh, xử lý nếu nội dung tố cáo có liên quan đến hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.
- v. Khắc phục vi phạm trong trường hợp khẩn cấp
 - Tổ chức xử lý, kiểm điểm, chấn chỉnh trách nhiệm của cá nhân có liên quan theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - Triển khai các giải pháp khắc phục, ngăn ngừa phát sinh vi phạm trong tương lai.

PHẦN 5: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Định kỳ ít nhất 02 năm, VPBank thực hiện cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm. Phương án sau cập nhật, điều chỉnh phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.

Nơi nhân

- ĐHĐCĐ
- HĐQT; BKS
- BDH;
- Lưu VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÔ CHÍ DŨNG

PHỤ LỤC 01: VĂN BẢN LIÊN QUAN

STT	Tên văn bản	Số hiệu	Ngày ban hành
1	Luật các Tổ chức tín dụng	32/2024/QH15	18/01/2024
2	Luật sửa đổi Luật các Tổ chức tín dụng	96/2025/QH15	27/6/2026
3	Thông tư quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	13/2018/TT-NHNN	18/05/2018
4	Thông tư quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	31/2024/TT-NHNN	30/06/2024
5	Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch covid - 19	01/2020/TT-NHNN	13/03/2024
6	Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn	02/2023/TT-NHNN	23/04/2023
7	Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	22/2019/TT-NHNN	15/11/2019
8	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo	26/2022/TT-NHNN	31/12/2022

STT	Tên văn bản	Số hiệu	Ngày ban hành
	đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài		
9	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của TCTD, chi nhánh NHNNg	09/2024/TT-NHNN	28/6/2024
10	Nghị định quy định về mức trích, Phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, CN NHNNg và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái	86/2024/NĐ-CP	11/7/2024

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nội dung đầy đủ
1	VPBank	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
2	TMCP	Thương mại cổ phần
3	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
4	TCTD	Tổ chức tín dụng
5	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
6	VAMC	Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
7	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
8	HĐQT	Hội đồng quản trị
9	UBNS	Ủy ban nhân sự
10	UBQLRR	Ủy ban Quản lý rủi ro
11	BKS	Ban kiểm soát
12	TGĐ	Tổng Giám đốc
13	KSNB	Kiểm soát nội bộ
14	CNTT	Công nghệ thông tin
15	QTRR	Quản trị rủi ro
16	KTNB	Kiểm toán nội bộ
17	PGD	Phòng Giao dịch
18	CBNV	Cán bộ nhân viên
19	KHCN	Khách hàng cá nhân
20	KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
21	TCKT	Tổ chức kinh tế
22	BCTC	Báo cáo tài chính
23	CAR	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
24	TOI	Total Operating Income - Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh
25	PBT	Profit Before Tax - Lợi nhuận trước thuế
26	Casa	Số dư tiền gửi không kỳ hạn
27	ROE	Return On Equity - Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
28	ROA	Return On Assets - Tỷ suất sinh lời trên tài sản

29	CIR	Cost to Income Ratio - Chỉ số chi phí trên thu nhập
30	TSBĐ	Tài sản bảo đảm
31	LTV	Loan-to-Value Ratio Tỷ lệ cấp tín dụng tối đa trên giá trị TSBĐ
32	POS	Dịch vụ thanh toán và chấp nhận thẻ
33	ATM	Automatic Teller Machine Máy rút tiền tự động
34	RCSA	Chương trình tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát
35	KRI	Bộ chỉ số rủi ro chính
36	GTCG	Giấy tờ có giá